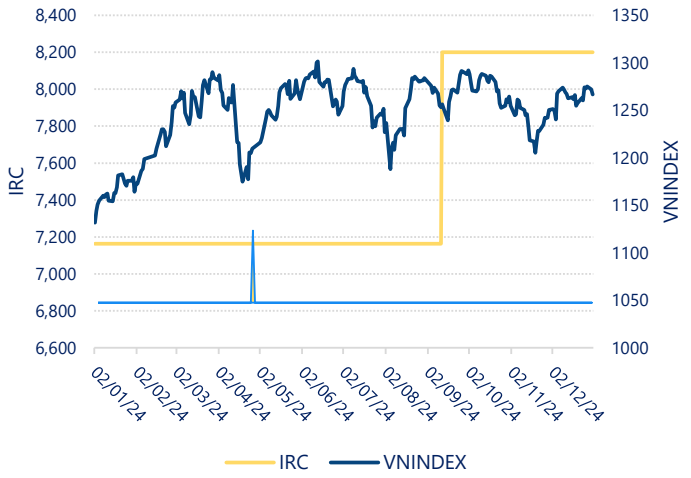
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

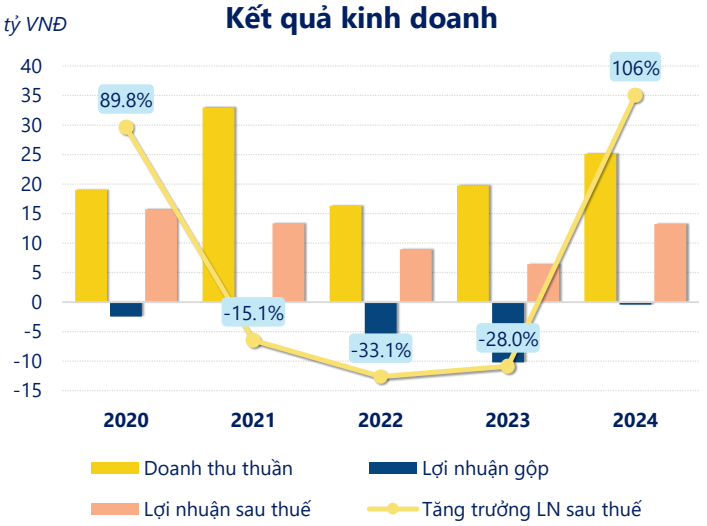
Ngày 31/12/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.1%	**6.1%**	**21.5%**

	2024	YoY
DT thuần	**25.1** *tỷ VNĐ*	▲ 5.30 ▲ 27.3%
LN gộp	**-0.43** *tỷ VNĐ*	▲ 9.77 ▲ 95.7%
LN thuần	**-5.35** *tỷ VNĐ*	▲ 8.15 ▲ 60.5%
LN sau thuế	**13.2** *tỷ VNĐ*	▲ 6.76 ▲ 106%
ROE	**7.2%**	+/- YoY ▲ 3.6%
ROA	**6.6%**	+/- YoY ▲ 3.3%

Lịch sử giá

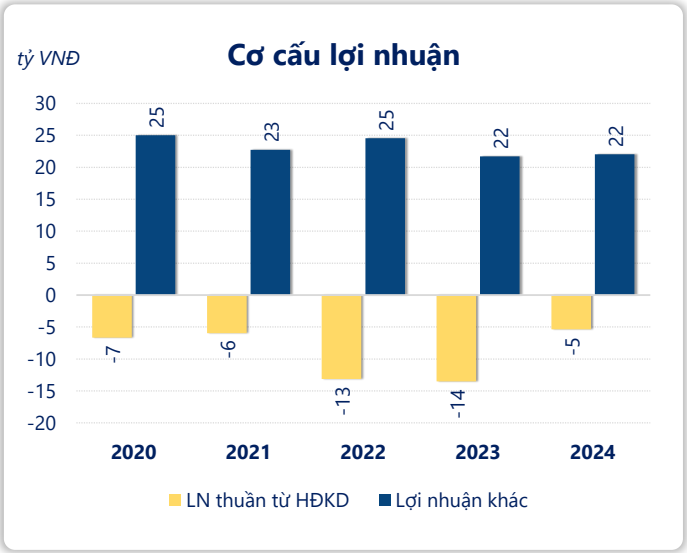


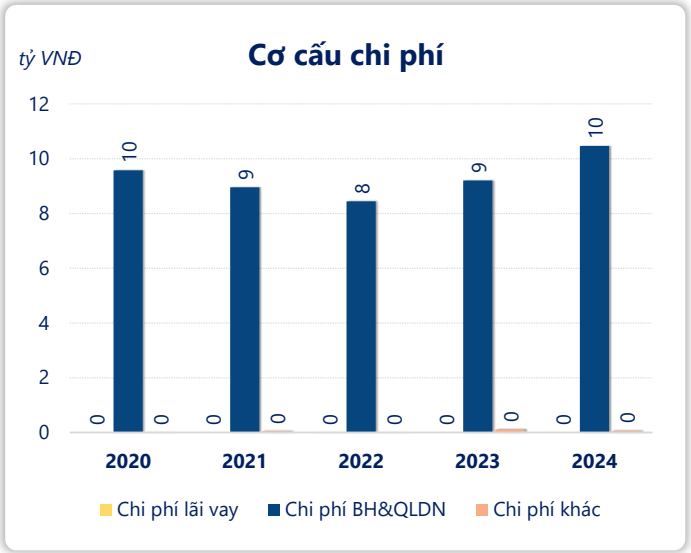
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **IRC** ghi nhận doanh thu thuần **25.15** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **13.25** tỷ đồng, lần lượt **tăng 27.3%** và **tăng 106%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.17%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

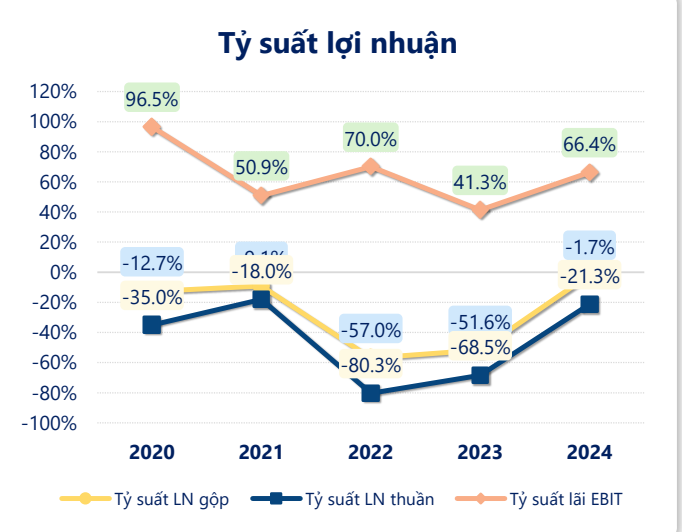


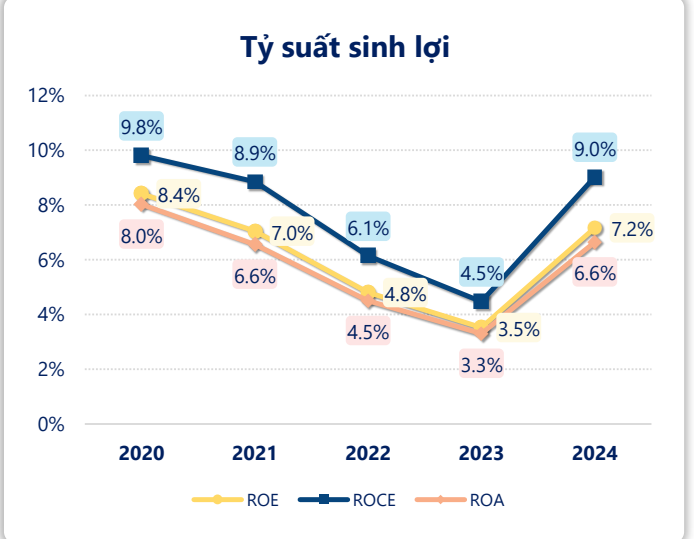


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **IRC** năm **2024 tăng lên 8.18** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 5.35 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 13.53 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

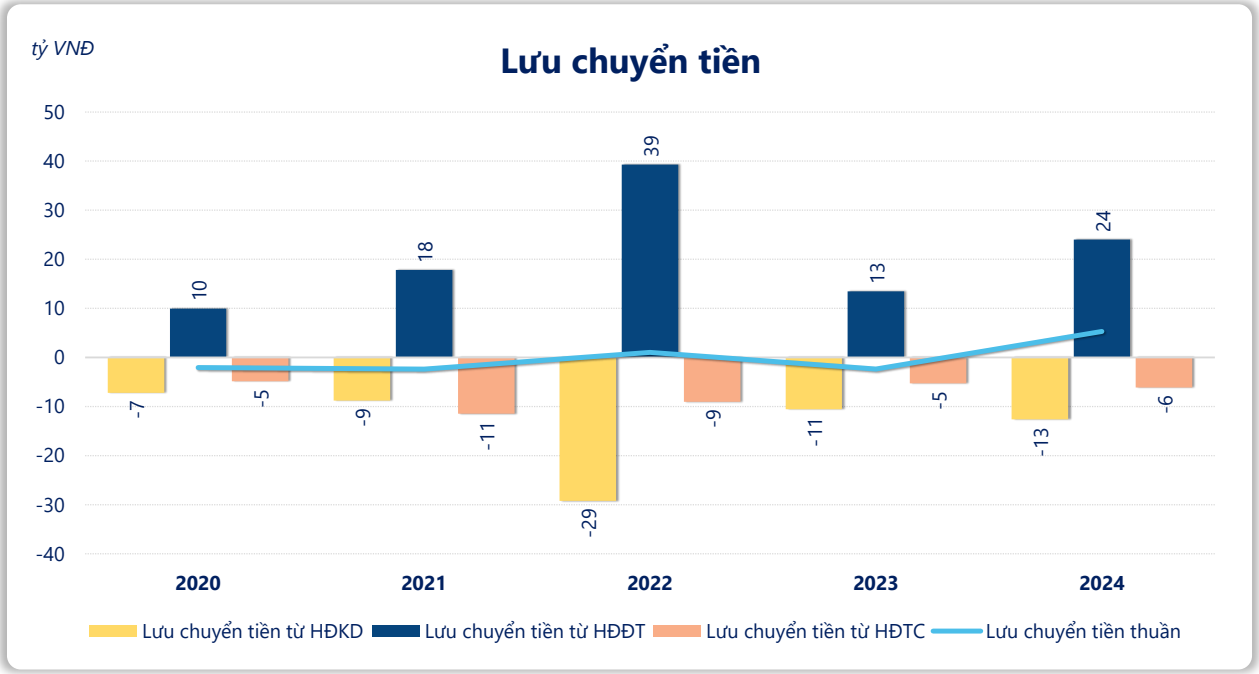
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **10.46** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.07** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của IRC năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.17%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**19.0**	**33.0**	**16.3**	**19.8**	**25.1**
Giá vốn hàng bán	21.4	35.9	25.6	30.0	25.6
Lợi nhuận gộp	**-2.41**	**-2.99**	**-9.31**	**-10.2**	**-0.43**
Doanh thu HĐTC	5.33	6.04	6.41	7.33	5.81
Chi phí TC	0	0.04	1.78	1.45	0.27
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0.01**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	0.06	0.03	0.04	0.06
Chi phí QLDN	9.50	8.89	8.42	9.17	10.4
LN thuần từ HĐKD	**-6.65**	**-5.94**	**-13.1**	**-13.5**	**-5.35**
Lợi nhuận khác	25.0	22.7	24.5	21.7	22.0
LN trước thuế	**18.3**	**16.8**	**11.4**	**8.17**	**16.7**
Lợi nhuận sau thuế	**15.7**	**13.4**	**8.94**	**6.44**	**13.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.7**	**13.4**	**8.94**	**6.44**	**13.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của IRC bằng **5.30** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-2.36 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.61** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **24.03** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-6.13** tỷ đồng.